

Số: /GPMT-UBND Thanh Hóa, ngày tháng năm 2025

GIẤY PHÉP MÔI TRƯỜNG

CHỦ TỊCH ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH THANH HOÁ

Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 16/6/2025;

Căn cứ Luật Bảo vệ môi trường ngày 17/11/2020;

Căn cứ các Nghị định của Chính phủ: Số 08/2022/NĐ-CP ngày 10/01/2022 quy định chi tiết một số điều của Luật Bảo vệ môi trường; số 05/2025/NĐ-CP ngày 06/01/2025 sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 08/2022/NĐ-CP ngày 10/01/2022 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều của Luật Bảo vệ môi trường; số 136/2025/NĐ-CP ngày 12/6/2025 quy định phân quyền, phân cấp trong lĩnh vực nông nghiệp và môi trường;

Căn cứ các Thông tư của Bộ trưởng Bộ Tài nguyên và Môi trường (nay là Bộ Nông nghiệp và Môi trường): Số 02/2022/TT-BTNMT ngày 10/01/2022 quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Bảo vệ môi trường; số 07/2025/TT-BTNMT ngày 28/02/2025 về sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư số 02/2022/TT-BTNMT;

Căn cứ các Quyết định của UBND tỉnh: Số 4306/QĐ-UBND ngày 03/12/2010 về việc phê duyệt báo cáo đánh giá tác động môi trường dự án Đầu tư xây dựng Bệnh viện Đa khoa huyện Thạch Thành, quy mô 150 giường bệnh tại xã Thành Thọ, huyện Thạch Thành; số 827/QĐ-UBND ngày 20/7/2017 về việc phê duyệt báo cáo đánh giá tác động môi trường Dự án đầu tư xây dựng công trình xử lý và tiêu hủy chất thải rắn y tế nguy hại cho bệnh viện Đa khoa huyện Thạch Thành tại xã Thành Thọ, huyện Thạch Thành, tỉnh Thanh Hóa (nay là xã Kim Tân, tỉnh Thanh Hóa); số 1149/QĐ-UBND ngày 04/4/2022 về việc ủy quyền cho Sở Tài nguyên và Môi trường (nay là Sở Nông nghiệp và Môi trường) tổ chức thẩm định báo cáo đánh giá tác động môi trường; giấy phép môi trường; phương án cải tạo, phục hồi môi trường của các dự án đầu tư trên địa bàn tỉnh Thanh Hóa thuộc thẩm quyền của UBND tỉnh Thanh Hoá;

Xét Văn bản đề nghị cấp giấy phép môi trường số 1431/CV-BVTT ngày 16/12/2024 và số 1154/CV-BVTT ngày 28/10/2025 của Bệnh viện Đa khoa Thạch Thành và hồ sơ kèm theo;

Theo đề nghị của Sở Nông nghiệp và Môi trường tại Tờ trình số 1365/TTr-SNNMT ngày 10/11/2025.

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Cấp phép cho Bệnh viện Đa khoa Thạch Thành (địa chỉ: thôn Đồng Khánh, xã Kim Tân, tỉnh Thanh Hoá) được thực hiện các hoạt động bảo vệ môi trường của Bệnh viện Đa khoa Thạch Thành tại thôn Đồng Khánh, xã Kim Tân, tỉnh Thanh Hoá, với các nội dung như sau:

1. Thông tin chung của các cơ sở

1.1. Tên cơ sở: Bệnh viện Đa khoa Thạch Thành.

1.2. Địa điểm hoạt động: Thôn Đồng Khánh, xã Kim Tân, tỉnh Thanh Hoá.

1.3. Giấy phép hoạt động khám, chữa bệnh số 1383/TH-GPHĐ được Sở Y tế tỉnh Thanh Hóa cấp ngày 05/01/2023.

1.4. Mã số thuế: 2800789034.

1.5. Loại hình sản xuất, kinh doanh: Hoạt động khám, chữa bệnh.

1.6. Phạm vi, quy mô, công suất của Bệnh viện:

- Tổng diện tích sử dụng đất của Bệnh viện: 21.600 m².

- Nhóm dự án: Bệnh viện có quy mô tương đương với dự án nhóm B (phân loại theo tiêu chí quy định của pháp luật về đầu tư công).

- Dự án đầu tư có tiêu chí về môi trường tương đương với dự án đầu tư nhóm III theo quy định của Luật Bảo vệ môi trường, Nghị định số 08/2022/NĐ-CP ngày 10/01/2022 của chính phủ được sửa đổi, bổ sung tại Nghị định số 05/2025/NĐ-CP của Chính phủ.

- Công suất hoạt động: 290 giường bệnh (theo Quyết định số 299/QĐ-UBND ngày 17/01/2019 của Chủ tịch UBND tỉnh Thanh Hóa).

- Quy trình hoạt động: Bệnh nhân đến khám, chữa bệnh → Hướng dẫn làm thủ tục → Khoa khám bệnh → Bệnh nhân nhập viện (điều trị tại các khoa phòng); bệnh nhân không nhập viện → Làm thủ tục thanh toán xuất viện.

2. Nội dung cấp phép môi trường và yêu cầu về bảo vệ môi trường kèm theo

2.1. Được phép xả nước thải ra môi trường và thực hiện yêu cầu về bảo vệ môi trường quy định tại Phụ lục 01 ban hành kèm theo Giấy phép môi trường này.

2.2. Bảo đảm giá trị giới hạn đối với tiếng ồn, độ rung và thực hiện yêu cầu về bảo vệ môi trường quy định tại Phụ lục 02 ban hành kèm theo Giấy phép môi trường này.

2.3. Yêu cầu về quản lý chất thải, phòng ngừa và ứng phó sự cố môi trường quy định tại Phụ lục 03 ban hành kèm theo Giấy phép môi trường này.

2.4. Yêu cầu khác về bảo vệ môi trường quy định tại Phụ lục 04 ban hành kèm theo Giấy phép môi trường này.

Điều 2. Quyền, nghĩa vụ và trách nhiệm của của Bệnh viện Đa khoa Thạch Thành

1. Có quyền, nghĩa vụ theo quy định tại Điều 47 Luật Bảo vệ môi trường.
2. Bệnh viện Đa khoa Thạch Thành có trách nhiệm:
 - 2.1. Chỉ được phép thực hiện các nội dung cấp phép sau khi đã hoàn thành các công trình bảo vệ môi trường tương ứng.
 - 2.2. Vận hành thường xuyên, đúng quy trình các công trình xử lý chất thải bảo đảm chất thải sau xử lý đạt quy chuẩn kỹ thuật môi trường; có biện pháp giảm thiểu tiếng ồn, độ rung đáp ứng yêu cầu bảo vệ môi trường; quản lý chất thải theo quy định của pháp luật. Chịu trách nhiệm trước pháp luật khi chất ô nhiễm, tiếng ồn, độ rung không đạt yêu cầu cho phép tại Giấy phép môi trường này và phải dừng ngay việc xả nước thải, phát sinh tiếng ồn, độ rung để thực hiện các biện pháp khắc phục theo quy định của pháp luật.
 - 2.3. Thực hiện đúng, đầy đủ các yêu cầu về bảo vệ môi trường trong Giấy phép môi trường này và các quy định của pháp luật về bảo vệ môi trường.
 - 2.4. Báo cáo kịp thời về cơ quan cấp Giấy phép môi trường, cơ quan chức năng ở địa phương nếu xảy ra các sự cố đối với các công trình xử lý chất thải, sự cố khác dẫn đến ô nhiễm môi trường.
 - 2.5. Trong quá trình thực hiện nếu có thay đổi khác với các nội dung quy định tại Giấy phép này, phải kịp thời báo cáo đến cơ quan cấp phép.

Điều 3. Thời hạn của Giấy phép: 10 năm.

(Từ ngày 15/11/2025 đến ngày 15/11/2035).

Điều 4. Giao Sở Nông nghiệp và Môi trường, UBND xã Kim Tân tổ chức kiểm tra việc thực hiện các nội dung quy định tại Giấy phép môi trường này, yêu cầu bảo vệ môi trường đối với cơ sở được cấp phép theo quy định của pháp luật./.

Nơi nhận:

- Chủ tịch UBND tỉnh (để b/cáo);
- Các Phó Chủ tịch UBND tỉnh;
- Sở NN&MT (để theo dõi);
- UBND xã Kim Tân (để theo dõi);
- Bệnh viện Đa khoa Thạch Thành (để thực hiện);
- Lưu: VT, NNMT.

**KT. CHỦ TỊCH
PHÓ CHỦ TỊCH**



Mai Xuân Liêm

PHỤ LỤC 01

NỘI DUNG CẤP PHÉP XẢ NƯỚC THẢI VÀO NGUỒN NƯỚC VÀ YÊU CẦU BẢO VỆ MÔI TRƯỜNG ĐỐI VỚI THU GOM, XỬ LÝ NƯỚC THẢI

(kèm theo Giấy phép môi trường số /GPMT-UBND ngày tháng năm 2025 của Chủ tịch UBND tỉnh Thanh Hóa)

A. NỘI DUNG CẤP PHÉP XẢ NƯỚC THẢI

1. Nguồn phát sinh nước thải:

- *Nguồn số 01:* Nước thải từ hoạt động tắm rửa, giặt giũ, rửa tay chân của cán bộ, y bác sỹ bệnh viện, bệnh nhân và người nhà bệnh nhân, khách thăm khám và hoạt động khám chữa bệnh,...(lưu lượng 14 m³/ngày đêm) phát sinh từ Nhà số 1.

- *Nguồn số 02:* Nước thải từ hoạt động tắm rửa, giặt giũ, rửa tay chân của cán bộ, y bác sỹ bệnh viện, bệnh nhân và người nhà bệnh nhân, khách thăm khám và hoạt động khám chữa bệnh,...(lưu lượng 65,6 m³/ngày đêm) phát sinh từ Nhà số 2.

- *Nguồn số 03:* Nước thải từ hoạt động tắm rửa, giặt giũ, rửa tay chân của cán bộ, y bác sỹ bệnh viện, bệnh nhân và người nhà bệnh nhân, khách thăm khám và hoạt động khám chữa bệnh,...(lưu lượng 35,5 m³/ngày đêm) phát sinh từ Nhà số 3.

- *Nguồn số 04:* Nước thải tắm rửa, giặt giũ, rửa tay chân của cán bộ, y bác sỹ bệnh viện (lưu lượng 0,4 m³/ngày đêm) phát sinh từ Nhà số 4.

- *Nguồn số 05:* Nước thải từ hoạt động nấu ăn khu vực bếp ăn,...(lưu lượng 7 m³/ngày đêm) phát sinh từ Nhà số 5.

- *Nguồn số 06:* Nước thải từ hoạt động tắm rửa, giặt giũ, rửa tay chân của cán bộ, y bác sỹ bệnh viện, bệnh nhân và hoạt động giải phẫu,...(lưu lượng 0,4 m³/ngày đêm) phát sinh từ Nhà số 6.

- *Nguồn số 07:* Nước thải từ hoạt động tắm rửa, giặt giũ, rửa tay chân của cán bộ, y bác sỹ bệnh viện, bệnh nhân và người nhà bệnh nhân, khách thăm khám và hoạt động khám chữa bệnh,...(lưu lượng 23,76 m³/ngày đêm) phát sinh từ Nhà số 7.

Tổng lưu lượng nước thải của bệnh viện là: 140 m³/ngày đêm.

2. Dòng nước thải xả vào nguồn nước tiếp nhận, nguồn tiếp nhận nước thải, vị trí xả nước thải

Nước thải sau khi xử lý tại hệ thống xử lý nước thải tập trung của bệnh viện, công suất 200 m³/ngày đêm, chảy ra mương tiêu nội đồng phía Đông Nam của bệnh viện bằng đường ống HDPE - D200.

2.1. Nguồn tiếp nhận nước thải:

Mương tiêu nội đồng, xã Kim Tân, tỉnh Thanh Hóa.

2.2. Vị trí xả nước thải:

- 01 dòng nước thải (xử lý nước thải từ nguồn số 01 đến nguồn số 07) sau khi xử lý tại hệ thống xử lý nước thải tập trung của bệnh viện, công suất 200 m³/ngày đêm được chảy ra mương tiêu nội đồng phía Đông Nam của bệnh viện.

- Tọa độ vị trí xả nước thải như sau: X=2227573 (m); Y=572506 (m).

(theo hệ tọa độ VN2000, kinh tuyến trực 105^0 , múi chiều 3^0)

- Điểm xả nước thải sau xử lý phải có biển báo, ký hiệu rõ ràng, thuận lợi cho việc kiểm tra, giám sát xả thải theo quy định tại điểm đ khoản 1 Điều 87 Luật Bảo vệ môi trường.

2.3. Lưu lượng xả nước thải lớn nhất đề nghị cấp phép: 140 m³/ngày đêm.

2.4. Phương thức xả nước thải:

Nước thải sau xử lý tại Trạm xử lý nước thải tập trung công suất thiết kế 200 m³/ngày đêm tự chảy qua đường ống HDPE D200 chảy ra mương tiêu nội đồng phía Đông Nam của bệnh viện.

Hình thức xả thải: Tự chảy.

2.5. Chế độ xả nước thải: Xả liên tục 24 giờ.

2.6. Chất lượng nước thải sau xử lý, trước khi xả vào nguồn tiếp nhận:

- Từ ngày được cấp phép đến hết ngày 31/12/2031, nước thải sau xử lý phải đạt Quy chuẩn kỹ thuật Quốc gia về nước thải y tế QCVN 28:2010/BTNMT cột B, hệ số k=1,2, như sau:

TT	Chất ô nhiễm	Đơn vị tính	Giá trị giới hạn cho phép	Tần suất quan trắc định kỳ	Tần suất quan trắc tự động
1	pH	-	6,5 – 8,5	Không thuộc đối tượng quan trắc định kỳ	Không thuộc đối tượng quan trắc tự động
2	BOD ₅ (20°C)	mg/l	60		
3	COD	mg/l	120		
4	Chất rắn lơ lửng (TSS)	mg/l	120		
5	Sunfua (tính theo H ₂ S)	mg/l	4,8		
6	Hàm lượng N/NH ₄ ⁺	mg/l	12		
7	Hàm lượng P/PO ₄ ³⁻	mg/l	12		
8	Hàm lượng N/NO ₃ ⁻	mg/l	60		
9	Dầu mỡ động thực vật	mg/l	24		
10	Tổng colifoms	MPN/100ml	5.000		
11	Salmonella	Vi khuẩn/100ml	KPH		
12	Shigella	Vi khuẩn/100ml	KPH		
13	Vibrio cholerae	Vi khuẩn/100ml	KPH		

- Từ ngày 01/01/2032, chất lượng dòng nước thải trước khi xả vào nguồn tiếp nhận phải bảo đảm đáp ứng yêu cầu về bảo vệ môi trường và QCVN 40:2025/BTNMT - Quy chuẩn kỹ thuật Quốc gia về nước thải công nghiệp (Cột B, áp dụng đối với lưu lượng xả thải $F \leq 2000 \text{ m}^3/\text{ngày}$), cụ thể như sau:

TT	Thông số	Đơn vị	Giá trị giới hạn cho phép	Tần suất quan trắc định kỳ	Tần suất quan trắc tự động
1	pH	-	6 - 9	Không thuộc đối tượng quan trắc định kỳ	Không thuộc đối tượng quan trắc tự động
2	BOD ₅ (20°C)	mg/l	≤ 60		
3	COD	mg/l	≤ 90		
4	Tổng chất rắn lơ lửng (TSS)	mg/l	≤ 80		
5	Sulfua (tính theo H ₂ S)	mg/l	$\leq 0,5$		
6	Amoni (tính theo N)	mg/l	≤ 10		
7	Tổng Ni tơ (T-N)	mg/l	≤ 40		
8	Dầu mỡ động thực vật	mg/l	≤ 30		
9	Tổng Coliform	MPN/100 ml	≤ 5.000		

B. YÊU CẦU BẢO VỆ MÔI TRƯỜNG ĐỐI VỚI THU GOM, XỬ LÝ NƯỚC THẢI

1. Công trình, biện pháp thu gom, xử lý nước thải

1.1. Mạng lưới thu gom nước thải từ các nguồn phát sinh nước thải để đưa về hệ thống xử lý nước thải

- Nước thải phát sinh từ nguồn số 01, 02, 03, 06, 07 (nước thải vệ sinh → bể tự hoại 3 ngăn) → Tuyến thu gom nước thải bằng đường ống PVC D300; nước tắm rửa → Bể lắng → Đường ống thu gom PVC, D300; nước thải từ hoạt động khám chữa bệnh, nước thải từ labo xét nghiệm → Tuyến thu gom nước thải bằng đường ống PVC D220 → Trạm xử lý nước thải tập trung 200 m³/ngày đêm.

- Nước thải phát sinh từ nguồn số 01, 02, 03, 06, 07 (nước thải vệ sinh → bể tự hoại 3 ngăn) → Tuyến thu gom nước thải bằng đường ống PVC D300; nước tắm rửa → Bể lắng → Đường ống thu gom PVC, D300 → Tuyến thu gom nước thải bằng đường ống PVC D220 → Trạm xử lý nước thải tập trung 200 m³/ngày đêm.

- Nước thải phát sinh từ nguồn số 05 (nước thải ăn uống → Được xử lý sơ bộ qua bể tách dầu mỡ → Đường ống thu gom PVC D160, D220, D300 → Trạm xử lý nước thải sản xuất 200 m³/ngày đêm.

1.2. Công trình, thiết bị xử lý nước thải:

- Gồm 07 bể tự hoại 03 ngăn có tổng dung tích 114 m³ dưới các nhà vệ sinh để xử lý sơ bộ nước thải từ hố tiêu, hố tiêu trước khi đưa về Hệ thống xử lý nước thải tập trung.

- Trạm xử lý nước thải công suất xử lý 200 m³/ngày đêm: Bể thu gom → Song chắn rác → Bể điều hòa → Cụm bể AAO (bao gồm ngăn kỵ khí → ngăn hiếu khí → ngăn hiếu khí) → Bể khử trùng → Vi lọc → Mương tiêu nội đồng phía Đông Nam của bệnh viện.

- Hóa chất, vật liệu sử dụng cho Bệnh viện: Javen 10% NaClO khử trùng, vi sinh (hoặc các hóa chất tương đương, đảm bảo chất lượng nước thải sau xử lý đạt yêu cầu và không phát sinh thêm chất ô nhiễm quy định).

1.3. Hệ thống, thiết bị quan trắc nước thải tự động, liên tục: Không thuộc đối tượng phải lắp đặt hệ thống quan trắc tự động đối với nước thải.

1.4. Biện pháp, công trình, thiết bị phòng ngừa, ứng phó sự cố:

- Trường hợp nước thải sau xử lý vượt quy chuẩn kỹ thuật môi trường: Nước thải lưu giữ trong các bể của hệ thống xử lý nước thải. Đơn vị vận hành tiến hành kiểm tra, khắc phục và cải thiện hiệu quả vận hành của hệ thống xử lý nước thải. Sau khi khắc phục, nước thải được bơm về bể thu gom để tiếp tục xử lý.

- Định kỳ hàng năm tiến hành duy tu, bảo dưỡng thiết bị, máy móc của hệ thống xử lý nước thải tập trung. Thực hiện kiểm tra, giám sát hệ thống thu gom nước thải, thoát nước thải sau xử lý để phòng ngừa tình trạng tắc nghẽn hệ thống. Thực hiện đánh giá liên tục về hiệu suất của hệ thống. Hợp đồng với các đơn vị có chức năng cải tạo hệ thống xử lý nước thải tập trung.

- Trường hợp hệ thống xử lý nước thải gặp sự cố lớn, thời gian sửa chữa kéo dài, Bệnh viện thuê đơn vị có chức năng đến thu gom, vận chuyển và xử lý.

- Đối với nước thải sau hệ thống xử lý nước thải tập trung có các thông số ô nhiễm vượt quy chuẩn cho phép chảy ra nguồn tiếp nhận nước thải, Bệnh viện hoàn toàn chịu trách nhiệm trước pháp luật.

2. Kế hoạch vận hành thử nghiệm

Căn cứ quy định tại khoản 1 Điều 31 Nghị định số 08/2022/NĐ-CP ngày 10/01/2022 được sửa đổi, bổ sung tại khoản 13 Điều 1 Nghị định 05/2025/NĐ-CP ngày 06/01/2025 của Chính phủ, Bệnh viện đã có giấy xác nhận hoàn thành công trình bảo vệ môi trường nên không thuộc đối tượng phải vận hành thử nghiệm công trình xử lý nước thải.

3. Các yêu cầu về bảo vệ môi trường

3.1. Thu gom, xử lý nước thải phát sinh từ hoạt động của các Bệnh viện đảm bảo đáp ứng quy định về giá trị giới hạn cho phép của chất ô nhiễm tại mục 2.6, Phần A Phụ lục này trước khi xả thải ra ngoài môi trường.

3.2. Bố trí đủ nguồn lực, thiết bị bảo đảm vận hành thường xuyên, hiệu quả các công trình thu gom, xử lý nước thải.

3.3. Lắp đặt đồng hồ đo lưu lượng nước thải đầu ra và lập sổ nhật ký vận hành, ghi chép đầy đủ thông tin của quá trình vận hành của Trạm xử lý nước thải tập trung (ghi rõ số chỉ đồng hồ hàng ngày, hóa chất sử dụng, thời điểm sửa chữa, thay thế đồng hồ (nếu có)...); lắp đặt đầy đủ biển báo, ký hiệu chỉ dẫn đối với điểm xả thải nước thải sau Trạm xử lý nước thải tập trung ra môi trường.

3.4. Trong quá trình xả nước thải sau xử lý vào nguồn tiếp nhận nếu có sự cố bất thường ảnh hưởng xấu đến chất lượng nước, Bệnh viện phải dừng ngay việc xả thải và báo cáo kịp thời về UBND xã Kim Tân, Sở Nông nghiệp và Môi trường Thanh Hóa.

3.5. Chịu trách nhiệm trước pháp luật khi có bất kỳ thông số nào không đạt yêu cầu quy định tại Mục 2.6, Phần A của Phụ lục này và ngừng ngay việc xả nước thải để thực hiện biện pháp khắc phục./.

PHỤ LỤC 02**BẢO ĐẢM GIÁ TRỊ GIỚI HẠN ĐỐI VỚI TIẾNG ỒN, ĐỘ RUNG
VÀ CÁC YÊU CẦU BẢO VỆ MÔI TRƯỜNG**

(kèm theo Giấy phép môi trường số /GPMT-UBND ngày tháng năm 2025
của Chủ tịch UBND tỉnh Thanh Hóa)

A. NỘI DUNG CẤP PHÉP VỀ TIẾNG ỒN, ĐỘ RUNG

1. Nguồn phát sinh tiếng ồn, độ rung:

- Nguồn số 01: Từ hoạt động của các phương tiện giao thông ra vào bệnh viện.
- Nguồn số 02: Từ hoạt động của máy phát điện dự phòng.
- Nguồn số 03: Máy thổi khí, máy bơm của hệ thống xử lý nước thải.

2. Tiếng ồn, độ rung phải bảo đảm đáp ứng yêu cầu về bảo vệ môi trường và QCVN 26:2010/BTNMT - Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về tiếng ồn, QCVN 27:2010/BTNMT - Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về độ rung, cụ thể như sau:

2.1. Tiếng ồn:

TT	Thời gian áp dụng trong ngày và giới hạn tối đa cho phép		Tần suất quan trắc định kỳ	Ghi chú
	Từ 6-21 giờ (dBA)	Từ 21-6 giờ (dBA)		
	55	45	-	Khu vực đặc biệt

2.2. Độ rung:

TT	Thời gian áp dụng trong ngày và giới hạn tối đa cho phép		Tần suất quan trắc định kỳ	Ghi chú
	Từ 6 - 21 giờ	Từ 21 - 6 giờ		
	60	55	-	Khu vực đặc biệt

B. YÊU CẦU BẢO VỆ MÔI TRƯỜNG ĐỐI VỚI TIẾNG ỒN, ĐỘ RUNG**1. Công trình, biện pháp giảm thiểu tiếng ồn, độ rung**

- Bảo dưỡng, kiểm tra định kỳ hệ thống thiết bị sản xuất, thiết bị xử lý khí thải, máy phát điện. Đảm bảo động cơ hoạt động ổn định để giảm thiểu tiếng ồn.
- Kê đệm cao su tại các điểm tiếp xúc giữa máy thổi khí, động cơ, máy bơm và sàn đặt máy để giảm tiếng ồn và giảm độ rung.
- Định kỳ kiểm tra độ mài mòn của chi tiết động cơ, thay thế dầu mỡ bôi trơn để giảm thiểu độ rung.
- Trang bị đầy đủ các phương tiện bảo hộ lao động phù hợp với từng vị trí làm việc như: Găng tay, quần áo bảo hộ, kính bảo hộ, nút tai chống ồn.

- Trồng cây xanh trong khuôn viên Bệnh viện nhằm giảm thiểu tác động của tiếng ồn, độ rung.

2. Các yêu cầu về bảo vệ môi trường

2.1. Các nguồn phát sinh tiếng ồn, độ rung phải được giảm thiểu bảo đảm nằm trong giới hạn cho phép quy định tại Phần A Phụ lục này.

2.2. Định kỳ kiểm tra, bảo dưỡng đối với các thiết bị để hạn chế phát sinh tiếng ồn, độ rung./.

PHỤ LỤC 03
YÊU CẦU VỀ QUẢN LÝ CHẤT THẢI, PHÒNG NGỪA
VÀ ỨNG PHÓ SỰ CỐ MÔI TRƯỜNG

(kèm theo Giấy phép môi trường số /GPMT-UBND ngày tháng năm 2025
của Chủ tịch UBND tỉnh Thanh Hóa)

A. QUẢN LÝ CHẤT THẢI

1. Chủng loại, khối lượng chất thải phát sinh

1.1. Khối lượng, chủng loại chất thải nguy hại phát sinh thường xuyên:

TT	Tên chất thải	Trạng thái tồn tại	Mã CTNH	Khối lượng phát sinh (kg/năm)
I	Chất thải y tế nguy hại			10.241
1	Chất thải lây nhiễm (bao gồm cả chất thải sắc nhọn)	Rắn	13 01 01	9.590
2	Hoá chất thải bao gồm hoặc có các thành phần nguy hại	Rắn/lỏng	13 01 02	15
3	Chất thải là vỏ chai thuốc, lọ thuốc, các dụng cụ dính thuốc thuộc nhóm gây độc tế bào hoặc có cảnh báo nguy hại từ nhà sản xuất (<i>Chất thải không yêu cầu thu gom, xử lý đặc biệt để ngăn ngừa lây nhiễm</i>)	Rắn	13 01 05	612
4	Dược phẩm gây độc tế bào thải	Rắn/lỏng	13 01 03	10
5	Chất thải y tế vỡ hỏng đã qua sử dụng có chứa thủy ngân, cadimin	Rắn	13 03 02	10
6	Chất hàn răng almagam thải	Rắn	13 01 04	4
II	Chất thải nguy hại khác			20
7	Bóng đèn huỳnh quang và các loại thủy tinh hoạt tính thải	Rắn	16 01 06	5
8	Pin, ác quy thải	Rắn	16 01 12	5
9	Bao bì cứng (đã chứa chất thải ra là CTNH) thải bằng các vật liệu khác (như composite)	Rắn	18 01 04	10
	Tổng khối lượng			10.261

1.2. Khối lượng, chủng loại chất thải rắn thông thường phát sinh:

TT	Tên chất thải	Khối lượng (kg/năm)
1	Chất thải rắn không tái chế	2.036
2	Chất thải rắn tái chế (như: Chai lọ truyền dịch bằng nhựa, thủy tinh, chai huyết thanh, các vật liệu nhựa, giấy, báo, tài liệu, vật liệu đóng gói, thùng carton, chai lọ nhựa, kim loại...)	20.553
Tổng cộng:		22.589

2. Yêu cầu bảo vệ môi trường đối với việc lưu giữ chất thải rắn thông thường, chất thải nguy hại

2.1. Hệ thống, công trình lưu giữ chất thải nguy hại

2.1.1. Thiết bị lưu chứa:

- Thùng lưu chứa có nắp đậy, dung tích 60 lít và 240 lít.
- Bao bì ghi nhãn mác của từng loại CTNH được lưu giữ.
- Thiết bị lưu chứa chất thải lây nhiễm:

+ Chất thải y tế nguy hại sau khi được thu gom vào 35 thùng composite màu vàng loại 5 lít; 51 thùng composite màu vàng loại 15 lít; 12 thùng composite màu vàng loại 20 lít; 05 thùng composite loại 60 lít và 10 thùng composite màu vàng loại 120 lít; sau đó, tập trung trong ngăn lưu giữ chất thải nguy hại tại khu nhà chứa chất thải có diện tích 33 m². Kho chứa gồm 03 ngăn: Ngăn 1 chứa chất thải y tế lây nhiễm, CTNH. Ngăn 02 chứa chất thải sinh hoạt. Ngăn 3 chứa chất thải y tế có thể tái chế. Cụ thể như sau:

++ CTNH không lây nhiễm được lưu trữ trong 1 thùng chứa có dung tích 120 lít, thùng có nắp đậy và dán đầy đủ nhãn mác.

++ Chất thải y tế lây nhiễm được lưu trữ trong 2 thùng chứa có dung tích 120 lít/thùng có nắp đậy và dán đầy đủ nhãn mác.

++ Các chất thải y tế lây nhiễm sắc nhọn được bệnh viện thu gom vào 03 bể cô lập chất thải, mỗi bể có dung tích 1 m³ và sử dụng để xử lý trong khoảng thời gian 10 năm, sau đó sẽ được hợp đồng với đơn vị chức năng thu gom, xử lý theo quy định. Cụm bể cô lập được đặt cạnh khu vực hệ thống XLNT của bệnh viện.

Chất thải giải phẫu được thu gom riêng và đưa đi chôn lấp tại nghĩa trang. Chất thải nguy hại khác được định kỳ chuyển giao cho các đơn vị chức năng thu gom, xử lý.

2.1.2. Khu vực lưu chứa trong nhà:

- Xây dựng 01 kho lưu chứa chất thải có diện tích 33 m², có mái che, tường bao quanh và được chia làm 03 khu: Khu vực tập kết chất thải rắn sinh hoạt; khu vực tập kết chất thải rắn tái chế và khu vực tập kết rác thải y tế nguy hại.

- Thiết kế, cấu tạo: Kho lưu chứa được đổ bê tông và lán nền vừa xi măng chống thấm, tường tôn, mái lợp tôn, có gờ cao tránh chảy tràn chất thải dạng lỏng.

- Khu vực lưu chứa CTNH của Bệnh viện phải đáp ứng quy định tại Thông tư số 02/2022/TT-BTNMT ngày 10/01/2022 của Bộ Trưởng Bộ Tài nguyên và Môi trường quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Bảo vệ môi trường. Chất thải nguy hại được định kì chuyển giao cho các đơn vị chức năng thu gom, xử lý.

2.1.3. Biện pháp xử lý chất thải nguy hại

Đối với chất thải y tế lây nhiễm không sắc nhọn: Loại chất thải này đang được bệnh viện xử lý bằng thiết bị khử khuẩn bằng vi sóng tích hợp nghiền cắt trong cùng khoang xử lý (Steril Wave 250/205MC). Trong trường hợp gặp sự cố cần bảo dưỡng thì bệnh viện hợp đồng với đơn vị có chức năng để thu gom xử lý theo quy định.

2.2. Hệ thống, công trình lưu giữ chất thải rắn thông thường

2.2.1. Thiết bị lưu chứa:

- Vỏ chai, vỏ hộp thuốc không chứa chất thải thông thường được thu gom vào các thùng chứa dung tích 20 lít và 120 lít và 02 xe đẩy tay dung tích 0,5 m³/xe.

- Bùn cặn bể lắng được phơi khô và thu gom cùng chất thải thông thường

2.2.2. Khu vực lưu chứa trong nhà: Xây dựng 01 kho lưu chứa chất thải có diện tích 33 m², có mái che, tường bao quanh và được chia làm 03 khu: Khu vực tập kết chất thải rắn sinh hoạt; khu vực tập kết chất thải rắn tái chế và khu vực tập kết rác thải y tế nguy hại.

2.3. Yêu cầu chung đối với thiết bị, hệ thống, công trình lưu giữ chất thải nguy hại, chất thải rắn thông thường

Các thiết bị, hệ thống, công trình lưu giữ chất thải nguy hại, chất thải rắn công nghiệp thông thường, chất thải rắn sinh hoạt phải đáp ứng đầy đủ yêu cầu theo quy định tại Thông tư số 02/2022/TT-BTNMT ngày 10/01/2022 và Thông tư số 07/2025/TT-BTNMT ngày 28/02/2025 về việc sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư số 02/2022/TT-BTNMT ngày 10 tháng 01 năm 2022 của Bộ trưởng Bộ Tài nguyên và Môi trường (nay là Bộ Nông nghiệp và Môi trường) quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Bảo vệ môi trường.

B. YÊU CẦU VỀ PHÒNG NGỪA VÀ ỨNG PHÓ SỰ CỐ MÔI TRƯỜNG

1. Thực hiện phương án phòng chống, ứng phó với sự cố rò rỉ hóa chất và sự cố khác theo quy định của pháp luật.

2. Khu vực lưu giữ chất thải nguy hại phải có đầy đủ thiết bị, dụng cụ phòng cháy chữa cháy theo quy định của pháp luật về phòng cháy chữa cháy; có vật liệu hấp thụ (như cát khô hoặc mùn cưa) và xẻng để sử dụng trong trường hợp rò rỉ, rơi vãi, đổ tràn chất thải nguy hại ở thể lỏng; có biển cảnh báo, phòng ngừa phù hợp với loại chất thải nguy hại được lưu giữ theo Tiêu chuẩn Việt Nam về dấu hiệu cảnh báo liên quan đến chất thải nguy hại.

3. Thực hiện trách nhiệm phòng ngừa sự cố môi trường, chuẩn bị ứng phó sự cố môi trường, tổ chức ứng phó sự cố môi trường, phục hồi môi trường sau sự cố môi trường theo quy định tại Điều 122, Điều 124, Điều 125 và Điều 126 Luật Bảo vệ môi trường.

4. Tổ chức thực hiện biện pháp phòng ngừa, ứng phó sự cố môi trường theo quy định của Luật Bảo vệ môi trường, Nghị định số 08/2022/NĐ-CP ngày 10/01/2022 của Chính phủ và phù hợp với nội dung phòng ngừa, ứng phó sự cố môi trường trong Giấy phép môi trường này. Trường hợp kế hoạch phòng ngừa ứng phó sự cố môi trường được lồng ghép, tích hợp và phê duyệt cùng với kế hoạch ứng phó sự cố khác theo quy định tại điểm b khoản 6 Điều 124 Luật bảo vệ môi trường thì phải đảm bảo có đầy đủ nội dung theo quy định tại khoản 2 Điều 108 Nghị định số 08/2022/NĐ-CP ngày 10/01/2022 của Chính phủ./.

PHỤ LỤC 04**CÁC YÊU CẦU KHÁC VỀ BẢO VỆ MÔI TRƯỜNG**

(kèm theo Giấy phép môi trường số /GPMT-UBND ngày tháng năm 2025
của Chủ tịch UBND tỉnh Thanh Hóa)

A. YÊU CẦU VỀ CẢI TẠO, PHỤC HỒI MÔI TRƯỜNG

Không thuộc đối tượng phải thực hiện cải tạo, phục hồi môi trường.

B. YÊU CẦU VỀ BỒI HOÀN ĐA DẠNG SINH HỌC

Không thuộc đối tượng phải thực hiện bồi hoàn đa dạng sinh học.

C. YÊU CẦU KHÁC VỀ BẢO VỆ MÔI TRƯỜNG

1. Quản lý chất thải phát sinh trong quá trình hoạt động đảm bảo các yêu cầu về vệ sinh môi trường và theo đúng các quy định của pháp luật về bảo vệ môi trường. Thực hiện phân định, phân loại các loại chất thải rắn sinh hoạt và chất thải nguy hại theo quy định của Luật Bảo vệ môi trường năm 2020, Nghị định số 08/2022/NĐ-CP ngày 10/01/2022, Nghị định số 05/2025/NĐ-CP ngày 06/01/2025 của Chính phủ, Thông tư số 02/2022/TT-BTNMT ngày 10/01/2022 và Thông tư số 07/2025/TT-BTNMT ngày 28/02/2025 của Bộ trưởng Bộ Tài nguyên và Môi trường, hướng dẫn phân loại chất thải rắn sinh hoạt của Bộ Tài nguyên và Môi trường (nay là Bộ Nông nghiệp và Môi trường). Định kỳ chuyển giao chất thải rắn sinh hoạt, chất thải rắn công nghiệp thông thường, chất thải nguy hại cho đơn vị có đầy đủ năng lực, chức năng thu gom, vận chuyển và xử lý theo quy định.

2. Vận hành thường xuyên, đúng quy trình đối với các công trình bảo vệ môi trường nêu trong Giấy phép môi trường này, đảm bảo các loại chất thải phát sinh phải được xử lý theo đúng quy định của pháp luật về bảo vệ môi trường.

3. Chất lượng nước thải phải đảm bảo đạt QCVN 40:2025/BTNMT - Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về nước thải công nghiệp (Cột B). Nước thải phải được quản lý để giảm khai thác, tăng cường hiệu quả sử dụng tài nguyên nước, giảm thiểu tác động xấu đến môi trường.

4. Khí thải phát sinh từ máy phát điện dự phòng chỉ sử dụng gián đoạn trong các trường hợp mất điện, không có hệ thống xử lý khí thải, nhưng nhiên liệu dầu DO sử dụng phải đáp ứng yêu cầu về chất lượng theo quy định pháp luật về chất lượng sản phẩm, hàng hóa.

5. Thực hiện nghiêm túc các biện pháp bảo vệ môi trường khác theo quy định của pháp luật về bảo vệ môi trường; các biện pháp phòng ngừa, ứng phó sự cố môi trường trong quá trình hoạt động theo đúng quy định của Luật Bảo vệ môi trường. Tuân thủ các quy định của pháp luật về an toàn lao động, an toàn giao thông, an toàn thực phẩm, phòng cháy chữa cháy theo quy định hiện hành.

6. Thực hiện quản lý bùn thải từ hệ thống xử lý nước thải theo quy định tại khoản 2 Điều 87 Luật Bảo vệ môi trường.

7. Thực hiện đúng, đầy đủ trách nhiệm theo quy định pháp luật về bảo vệ môi trường và các quy định pháp luật khác có liên quan. Trường hợp các văn bản quy phạm pháp luật, quy chuẩn kỹ thuật môi trường nêu tại Giấy phép môi trường này có sửa đổi, bổ sung hoặc được thay thế thì thực hiện theo quy định tại văn bản mới.

8. Thực hiện trách nhiệm nghiên cứu, áp dụng kỹ thuật hiện có tốt nhất theo lộ trình quy định tại Điều 53 Nghị định 08/2022/NĐ-CP ngày 10/01/2022 của Chính phủ.

9. Chịu trách nhiệm về công tác an toàn và bảo vệ môi trường trong quá trình hoạt động của Bệnh viện. Đảm bảo tính chính xác và chịu trách nhiệm trước pháp luật về các thông tin, số liệu và kết quả tính toán trong báo cáo đề xuất cấp Giấy phép môi trường.

10. Báo cáo công tác bảo vệ môi trường định kỳ hằng năm hoặc đột xuất; công khai thông tin môi trường và biện pháp ứng phó sự cố môi trường theo quy định của pháp luật, trong đó có nội dung cập nhật về khối lượng, chủng loại chất thải phát sinh theo quy định./.